

Số: /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước  
lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi, chức năng  
quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1667/QĐ-BNNMT ngày 26/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An tại Tờ trình số 3509/TTr-SNNMT ngày 04/6/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 06 thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể như sau:

- 05 thủ tục thuộc phạm vi giải quyết của cấp tỉnh.
- 01 thủ tục thuộc phạm vi giải quyết của cấp xã.

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ thủ tục hành chính nội bộ tại các thủ tục hành chính có số thứ tự: số 1, 2 Mục I; số 1, 2, 3, 4 mục IX phần A; số 1 mục II Phần B Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 3465/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh (đ/c Long);
- PCVP UBND tỉnh (đ/c Thiện);
- TT PV HCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (V).

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Bùi Đình Long**

**PHỤ LỤC**

**Thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước  
trong lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước  
của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An**

| <b>TT</b> | <b>Mã<br/>TTHC</b>                 | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                                                 | <b>Lĩnh vực</b> | <b>Căn cứ pháp lý</b>                                           | <b>Cơ quan<br/>thực hiện</b> | <b>Cơ quan/<br/>người có<br/>thẩm<br/>quyền<br/>quyết<br/>định</b> |
|-----------|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| <b>A</b>  | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b> |                                                                                                                                               |                 |                                                                 |                              |                                                                    |
| <b>I</b>  | <b>LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT</b>         |                                                                                                                                               |                 |                                                                 |                              |                                                                    |
| 1         | 6.000242                           | Ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh                                    | Trồng trọt      | Khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 22/2016/TTLT BNNPTNT-BTNMT | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Ủy ban nhân dân tỉnh                                               |
| 2         | 6.000243                           | Lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung                                                                               | Trồng trọt      | Khoản 2 Điều 62 Luật Trồng trọt năm 2018                        | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Ủy ban nhân dân tỉnh                                               |
| 3         | 6.000244                           | Xác định, công bố vùng sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa | Trồng trọt      | Khoản 4 Điều 71 Luật Trồng trọt năm 2018                        | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Ủy ban nhân dân tỉnh                                               |
| <b>II</b> | <b>LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT</b>    |                                                                                                                                               |                 |                                                                 |                              |                                                                    |
| 1         | 5.000125                           | Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh                                                                       | Bảo vệ thực vật | - Điều 17 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật;                    | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch Ủy ban                                                    |

|   |          |                                                                             |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                              |                               |
|---|----------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
|   |          |                                                                             |                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 4, 5 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật</li> </ul>                                                    |                              | nhân dân tỉnh                 |
| 2 | 5.000126 | Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bảo vệ thực vật | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 19 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật;</li> <li>- Điều 6 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP;</li> <li>- Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật</li> </ul> | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh |

|          |                                  |                                                                         |            |                                            |               |                        |
|----------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------------------|---------------|------------------------|
| <b>B</b> | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ</b> |                                                                         |            |                                            |               |                        |
| <b>I</b> | <b>LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT</b>       |                                                                         |            |                                            |               |                        |
| 1        | 6.002288                         | Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn xã | Trồng trọt | Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP | Phòng Kinh tế | Ủy ban nhân dân cấp xã |

## **PHẦN II**

### **NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

#### **A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

##### **I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT**

##### **1. Ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh.

- Bước 2: Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh.

- Bước 3: Trong thời hạn chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn, Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) để tổng hợp.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư liên tịch số 22/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu.

## **2. Lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung**

a) Trình tự thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung phù hợp với quy hoạch.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật Trồng trọt năm 2018.

### **3. Xác định, công bố vùng sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa**

a) Trình tự thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh xác định, công bố vùng và hướng dẫn áp dụng quy trình sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố vùng sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật Trồng trọt năm 2018.

## II. LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT

### 1. Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

*- Bước 1: Báo cáo tình hình sinh vật gây hại*

Căn cứ điều kiện công bố dịch hại thực vật quy định tại Điều 4 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình dịch hại, các số liệu thực tế chứng minh đủ điều kiện công bố dịch và sự cần thiết phải công bố dịch, đề xuất phạm vi công bố dịch và các giải pháp chống dịch.

*- Bước 2: Quyết định công bố dịch hại thực vật*

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào báo cáo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định công bố dịch đối với trường hợp sinh vật gây hại thực vật bùng phát, có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật và báo cáo ngay Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền công bố dịch thành lập Hội đồng tư vấn để lấy ý kiến. Hội đồng do người có thẩm quyền công bố dịch hoặc cấp phó của người đó làm Chủ tịch, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường làm Phó Chủ tịch, thành viên là đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan và các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo vệ thực vật. Hội đồng tư vấn có trách nhiệm xem xét báo cáo của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, đề xuất với người có thẩm quyền về việc công bố dịch, phạm vi công bố dịch, các giải pháp chống dịch.

*- Bước 3: Công bố Quyết định*

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi công bố dịch, Quyết định công bố dịch phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương; chính quyền địa phương nơi công bố dịch phải thông báo cho chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn biết và thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị công bố dịch của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phụ lục 1.1 ban hành kèm theo thủ tục này);

- Báo cáo tình hình sinh vật gây hại của Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phụ lục 1.2 ban hành kèm theo thủ tục này);

- Dự thảo Quyết định công bố dịch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Phụ lục

1.3 ban hành kèm theo thủ tục này).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

e) Người có thẩm quyền quyết định giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố dịch hại theo mẫu Phụ lục 4 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình đề nghị công bố dịch của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Báo cáo tình hình sinh vật gây hại đề nghị công bố dịch của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Dự thảo Quyết định công bố dịch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

\* Công bố dịch hại thực vật trong trường hợp: Khi sinh vật gây hại thực vật bùng phát, có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật.

\* Đối với sinh vật gây hại thực vật không thuộc đối tượng kiểm dịch thực vật, không phải là sinh vật gây hại lạ thì phải đảm bảo hai điều kiện sau:

- Sinh vật gây hại thực vật gia tăng đột biến cả về số lượng, diện tích, mức độ gây hại so với trung bình của 02 (hai) năm trước liền kề của thời điểm công bố dịch và dự báo của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp tỉnh trở lên; có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, môi trường, đời sống nhân dân, vượt quá khả năng kiểm soát của chủ thực vật;

- Các biện pháp quản lý sinh vật gây hại đã được chủ thực vật áp dụng theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật nhưng chưa đạt hiệu quả, phải áp dụng các biện pháp khẩn cấp, bắt buộc chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn có dịch thực hiện nghiêm chỉnh trong một thời gian nhất định để nhanh chóng khống chế, dập tắt dịch.

\* Đối với sinh vật gây hại thực vật là đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ:

Khi phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ xuất hiện hoặc

xâm nhập vào lãnh thổ Việt Nam, có nguy cơ thiết lập quần thể, lây lan ra diện rộng mà phải áp dụng các biện pháp khẩn cấp, bắt buộc chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn có dịch thực hiện nghiêm chỉnh để nhanh chóng bao vây và xử lý triệt để đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013 của Quốc hội về Bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

- Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

- Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật.

Mẫu số 01

**Tờ trình đề nghị công bố dịch trên địa bàn xã/huyện/tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị công bố dịch (tên dịch hại).....trên (tên cây trồng)..... trên địa  
bàn .....**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nội dung tờ trình gồm 3 phần như sau:

*Phần 1:* Nêu lý do đưa ra nội dung trình duyệt.

*Phần 2:* Nội dung và căn cứ các vấn đề cần đề xuất (trong đó có các phương án chống dịch khả thi).

*Phần 3:* Kiến nghị cấp trên (hỗ trợ, bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện việc chống dịch hiệu quả).

(Đính kèm Báo cáo tình hình dịch hại thực vật đề nghị công bố dịch tại địa phương của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và ra quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

...

- Lưu:

**GIÁM ĐỐC**

(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu số 02****Báo cáo tình hình sinh vật gây hại đề nghị công bố dịch**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI  
TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**BÁO CÁO**

**Tình hình** (tên sinh vật gây hại) .... (tên cây trồng) .... **trên địa bàn** .....

(Kèm theo Tờ trình số .... Ngày .... của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

**I. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI**

1. Thời tiết của tỉnh: Tình hình thời tiết hiện tại có liên quan đến sinh trưởng, phát triển của cây trồng và dịch hại.

2. Các giai đoạn sinh trưởng, phát triển:

Báo cáo tổng diện tích gieo trồng, giống, giai đoạn sinh trưởng của cây trồng trong thời điểm hiện tại.

3. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại: Thống kê diện tích nhiễm, mật độ, tỷ lệ của dịch hại, so sánh với cùng kỳ 2 năm trước liền kề (bảng thống kê kèm theo).

**II. BIỆN PHÁP KỸ THUẬT ĐÃ THỰC HIỆN**

1. Các biện pháp kỹ thuật, tổ chức chỉ đạo đã thực hiện.

(Các biện pháp kỹ thuật đã áp dụng để xử lý, thời gian áp dụng các biện pháp xử lý, các văn bản chỉ đạo phòng trừ đã thực hiện).

2. Kết quả phòng trừ.

**III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH DỊCH HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI**

1. Đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố đến phát sinh, hình thành dịch

*Gồm: Giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây trồng; Các yếu tố canh tác, mật độ gieo trồng; Yếu tố thời tiết; Tuổi sâu, tỷ lệ/cấp bệnh; Diện tích, mức độ môi giới truyền bệnh (nếu là dịch hại có môi giới truyền bệnh); Nguồn dịch hại trên ký chủ phụ có khả năng lan truyền.*

## 2. Dự kiến :

- Diện tích nhiễm, mức gây hại của dịch hại trong thời gian tới;
- Khoảng thời gian (cao điểm) bùng phát dịch hại;
- Địa điểm bùng phát dịch hại;
- Khả năng gây thiệt hại năng suất (%)./.

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Trung tâm Trồng trọt & BVTV vùng;
- .....
- Lưu: VT, BVTV.

### **GIÁM ĐỐC**

*(ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG NGHỆ AN

**BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH NHIỄM****(tên dịch hại) ..... hại (tên cây trồng) .....***Đến ngày ..... tháng ..... năm ...**(Kèm theo Tờ trình số : ... ngày ... tháng ... năm ... của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

| STT | Tỉnh/Huyện/Xã | Giai đoạn<br>sinh trưởng<br>của cây<br>trồng | Diện tích nhiễm (ha)                      |                                                   |                                                |                                        |                                                    |                                                |                                           |                                                 |                                                | Diện tích<br>nhiễm<br>dự kiến<br>(ha) | Ghi chú |
|-----|---------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------|---------|
|     |               |                                              | Tổng số                                   |                                                   |                                                | Nặng                                   |                                                    |                                                | Mất trắng                                 |                                                 |                                                |                                       |         |
|     |               |                                              | Diện<br>tích<br>nhiễm<br>hiện tại<br>(ha) | Diện tích<br>TB 02 năm<br>trước liền<br>kề (ha) * | So với<br>TB 02<br>năm<br>trước liền<br>kề (%) | Diện tích<br>nhiễm<br>hiện tại<br>(ha) | Diện tích<br>TB 02<br>năm<br>trước liền<br>kề (ha) | So với<br>TB 02<br>năm<br>trước liền<br>kề (%) | Diện<br>tích<br>nhiễm<br>hiện tại<br>(ha) | Diện tích<br>TB 02 năm<br>trước liền<br>kề (ha) | So với<br>TB 02<br>năm<br>trước liền<br>kề (%) |                                       |         |
|     |               |                                              |                                           |                                                   |                                                |                                        |                                                    |                                                |                                           |                                                 |                                                |                                       |         |
|     |               |                                              |                                           |                                                   |                                                |                                        |                                                    |                                                |                                           |                                                 |                                                |                                       |         |
|     |               |                                              |                                           |                                                   |                                                |                                        |                                                    |                                                |                                           |                                                 |                                                |                                       |         |
|     |               |                                              |                                           |                                                   |                                                |                                        |                                                    |                                                |                                           |                                                 |                                                |                                       |         |

(\*) Tổng diện tích nhiễm của 02 năm liền kề chia trung bình

**Phụ lục 1.3****Quyết định công bố dịch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh****ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc công bố dịch (tên dịch hại) ..... hại (tên cây trồng) .... trên địa bàn  
(xã/huyện/tỉnh) .....****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

Các căn cứ Pháp lý;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số: ... ngày ...  
tháng ... năm .....,**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Công bố dịch (tên dịch hại)..... hại (tên cây trồng) ..... trên phạm vi  
(xã/huyện/tỉnh)..... từ ngày .....**Điều 2.** Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị tại địa phương (nêu tên cụ thể)*Một số nội dung tham khảo:**- Khẩn trương thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành khi có công bố dịch. Báo cáo thường xuyên về diễn biến tình hình dịch bệnh, kết quả chỉ đạo chống dịch;**- Tham mưu xây dựng dự toán kinh phí chống dịch; bố trí kinh phí đầy đủ để tổ chức chống dịch bệnh; khôi phục sản xuất;**- Tổ chức tuyên truyền cho nông dân về tác hại ... và biện pháp chống dịch.***Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các cơ quan đơn vị tại địa phương (nêu tên cụ thể) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- ....
- Lưu:.

**CHỦ TỊCH**  
(Ký tên, đóng dấu)

## **2. Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh**

a) Trình tự thực hiện:

*- Bước 1: Báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch*

Khi sinh vật gây hại thực vật đã được khống chế và không còn nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng thì Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

*- Bước 2: Quyết định công bố hết dịch hại thực vật*

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào báo cáo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định công bố hết dịch đối với trường hợp sinh vật gây hại thực vật đã được khống chế và không còn nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng.

*- Bước 3: Công bố Quyết định*

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi người có thẩm quyền ký Quyết định công bố hết dịch, Quyết định phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị công bố hết dịch hại thực vật của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phụ lục 2.1 ban hành kèm theo thủ tục này);

- Dự thảo Quyết định công bố hết dịch trên địa bàn xã/huyện/tỉnh (Phụ lục 2.2 ban hành kèm theo thủ tục này).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định;

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

e) Người có thẩm quyền quyết định giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố hết dịch hại theo mẫu Phụ lục 7 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình đề nghị công bố hết dịch hại thực vật của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Dự thảo Quyết định công bố hết dịch trên địa bàn xã/huyện/ tỉnh.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Khi dịch hại thực vật đã

được khống chế và không còn nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng thì người có thẩm quyền công bố dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật quyết định công bố hết dịch.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013 của Quốc hội về Bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

- Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật

- Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật.

**Phụ lục 2.1****Tờ trình đề nghị công bố hết dịch trên địa bàn xã/huyện/tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày..... tháng .....năm 20.....

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị công bố hết dịch (tên dịch hại).....hại (tên cây trồng)..... trên địa  
bàn .....**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An

Nội dung Tờ trình gồm 3 phần chính:

*Phần 1:* Nêu lý do đưa ra nội dung trình duyệt.

*Phần 2:* Nội dung và căn cứ các vấn đề cần đề xuất.

*Phần 3:* Kiến nghị cấp trên.

(Đính kèm báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch phê duyệt và ra quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

...

- Lưu:

**GIÁM ĐỐC**

(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 2.2****Quyết định công bố hết dịch trên địa bàn xã/huyện/tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố hết dịch (tên dịch hại) ..... hại (tên cây trồng) ..... trên địa bàn  
(xã/huyện/tỉnh) .....**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

Các căn cứ Pháp lý;

Căn cứ khả năng và tình hình thực tế của (tên dịch hại).....hại (tên cây trồng)  
..... hiện nay trên địa bàn toàn (xã, huyện, tỉnh)

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số: .... ngày  
...tháng ... năm .....,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố hết dịch (tên dịch hại) ...trên phạm vi ... từ (thời gian) .....

**Điều 2.** Giao các sở, ban, ngành (nêu tên cụ thể) chịu trách nhiệm:

*Một số nội dung tham khảo:*

- Thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về Quyết định công bố hết dịch;

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi chặt chẽ diễn biến của dịch hại trên đồng ruộng, thực hiện các biện pháp phòng, trừ, ngăn ngừa sự bùng phát trở lại của dịch hại;

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện việc dự báo dịch hại, duy trì chế độ báo cáo; báo cáo ngay khi dịch có nguy cơ bùng phát trở lại.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các cơ quan, đơn vị tại địa phương (nêu tên cụ thể) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- ....
- Lưu.

**CHỦ TỊCH**  
(Ký tên, đóng dấu)

## **B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**

### **I. Lĩnh vực Trồng trọt**

#### **1. Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn xã**

a) Trình tự thực hiện:

Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Kế hoạch chuyển đổi trên địa bàn xã trước ngày 30/12 năm trước của năm kế hoạch theo mẫu Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Trước ngày 30/12 năm trước của năm kế hoạch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 01 đính kèm sau thủ tục.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

**PHỤ LỤC III**  
**MẪU KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI**  
**TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA CẤP XÃ**  
(Kèm theo Nghị định số 112 /2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
Số .../KH ...

-----  
....., ngày ... tháng ... năm ...

**KẾ HOẠCH**  
**CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA**  
**NĂM ...**

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm... của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ...tháng năm ... của Ủy ban nhân dân huyện/thành phố/thị xã ... về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm ...

Căn cứ vào nhu cầu của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã/phường/thị trấn;

Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa năm .... như sau:

| STT | Loại cây trồng/<br>thủy sản chuyển đổi | Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha) |                |                       |               | Thời gian chuyển đổi | Số thửa | Tờ bản đồ số |
|-----|----------------------------------------|----------------------------------------|----------------|-----------------------|---------------|----------------------|---------|--------------|
|     |                                        | Tổng diện tích                         | Đất chuyên lúa | Đất trồng lúa còn lại |               |                      |         |              |
|     |                                        |                                        |                | Đất lúa 01 vụ         | Đất lúa nương |                      |         |              |
| I   | Trồng cây hàng năm                     |                                        |                |                       |               |                      |         |              |
|     | ...                                    |                                        |                |                       |               |                      |         |              |
| II  | Trồng cây lâu năm                      |                                        |                |                       |               |                      |         |              |
|     | ...                                    |                                        |                |                       |               |                      |         |              |
| III | Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản  |                                        |                |                       |               |                      |         |              |
|     | ...                                    |                                        |                |                       |               |                      |         |              |